

VN-Index giảm sâu 6,5%

Ngày báo cáo 9/3/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm sâu 6,5%

VN-Index giảm sâu 6,5% (-115,1 điểm) trong phiên ngày thứ Hai, đóng cửa ngày giao dịch ở mức 1.652,8 điểm. Đây là mức giảm lớn nhất từng được ghi nhận trong lịch sử của chỉ số này. Áp lực bán duy trì liên tục trong suốt phiên khi hàng loạt cổ phiếu blue-chip giảm sàn giữa bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và giá dầu tăng mạnh. Toàn sàn chỉ ghi nhận 11 mã tăng, trong khi 366 mã giảm và 10 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên trước, đạt 41 nghìn tỷ đồng.

- Nhóm ngân hàng có tác động đáng kể lên thị trường khi VCB (-7,0%), BID (-6,9%), CTG (-6,9%), TCB (-7,0%) và MBB (-6,9%) đồng loạt giảm mạnh.
- Ở nhóm Bất động sản, VIC (-7,0%), VHM (-6,9%), BCM (-7,0%) và VRE (-6,9%) giảm sàn.
- Trong nhóm vốn hóa lớn VN30, các ngân hàng STB (-4,7%) và LPB (-4,5%), nhà sản xuất hóa chất DGC (-2,9%) cùng VJC (-2,2%) có diễn biến tương đối khả quan hơn so với các cổ phiếu cùng ngành.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành Năng lượng: Giá dầu tăng mạnh 55% trong một tuần trong bối cảnh căng thẳng leo thang giữa Mỹ/Israel - Iran
- Ngành Xăng dầu: Giá xăng dầu trong nước tăng mạnh sau Nghị quyết 36/2026, cải thiện khả năng bù đắp chi phí và ổn định nguồn cung
- Ngành xăng dầu: Bộ Công Thương lấy ý kiến về dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định kinh doanh xăng dầu mới
- PVS: Doanh thu 2T 2026 tăng 32% YoY, phù hợp kỳ vọng
- HSG: Tiếp tục kế hoạch thận trọng cho năm tài chính 2026 (FY2026) với LNST giảm 18%-32% YoY; tái khẳng định Hoa Sen Home là động lực tăng trưởng chính trong tương lai - Báo cáo ĐHCĐ

Báo cáo trong ngày

- Ngành Năng lượng: Giá dầu tăng so với cùng kỳ trong năm 2026 do rủi ro chính trị leo thang
- KDH: Doanh số bán BĐS của các dự án tại khu vực lõi TP.HCM dự kiến duy trì tích cực bất chấp các yếu tố bất lợi - Cập nhật
- NLG: Backlog lớn dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi; định giá hấp dẫn - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1652,8	235,4	119,4
% Δ	-6,5%	-7,2%	-5,9%
- % Δ 1 tuần	-10,5%	-9,1%	-7,3%
- % YTD	-7,4%	-6,0%	-1,2%
- % YOY	24,6%	-1,3%	20,5%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.568,6	\$117,6	\$75,1
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.248,0	\$79,7	\$38,2
- TB 1 năm (triệu)	\$1.133,9	\$79,8	\$34,1
- TB QTD	\$1.283,7	\$82,8	\$38,9
- % TB QTD/TB quý gần nhất	25,3%	15,3%	57,3%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$147,4	\$9,3	\$0,9
- Bán (triệu)	\$161,5	\$5,3	\$1,2
- GT ròng (triệu)	-\$14,2	\$4,0	-\$0,3
Độ rộng TT			
Mã tăng	12	22	42
Mã giảm	379	190	286
Không đổi	33	93	550
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	297,4	16,0	49,3
P/E trượt 12T	13,3	9,9	13,2
LS cổ tức*	3,2%	5,1%	11,6%
Giao dịch	Giá	KL	GTGD
Phái sinh		mở cửa	(tr USD)
VN30F1M	1.766,0	41.363	1.982,6
VN30F2M	1.768,0	1.708	8,7
VN30F1Q	1.778,0	422	1,8
VN30F2Q	1.779,6	257	1,6
VN100F1M	1.686,4	73	0,8
VN100F2M	1.695,9	19	0,2
VN100F1Q	1.669,8	19	0,2
VN100F2Q	1.701,6	22	0,2
USD/VND	26.214		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Dựa trên tín hiệu hiện tại, VN-Index sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm trong phiên 10/03. Dự báo điểm rơi tiếp theo là vùng 1.580 điểm (vùng đáy tháng 11/2025). Chỉ số đang trong giai đoạn giảm với độ biến động cao và tín hiệu tạo đáy chưa được xác nhận. Do đó, khuyến nghị tạm ngưng mở mới các vị thế ngắn hạn hoặc giữ tỷ trọng quanh mức thấp (thăm dò) đến khi có động thái rõ nét hơn từ phía lực cầu.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành Năng lượng: Giá dầu tăng mạnh 55% trong một tuần trong bối cảnh căng thẳng leo thang giữa Mỹ/Israel - Iran

* Giá dầu Brent mở cửa ở mức 109 USD/thùng vào ngày 9/3, (+55% kể từ khi xung đột Mỹ/Israel và Iran leo thang - sự kiện). Mức tăng mạnh này đánh dấu một bước nhảy vọt đáng kể trong tuần sau một tuần chiến tranh, đạt mức cao nhất kể từ tháng 11/2022.

* **Goldman Sachs dự báo sẽ tiếp tục có sự gián đoạn nguồn cung trong thời gian ngắn sắp tới.** Vào ngày 4/3, họ giả định dòng chảy dầu qua eo biển Hormuz sẽ duy trì ở mức khoảng 15% so với mức bình thường trong 5 ngày, sau đó phục hồi lên khoảng 70% trong hai tuần tiếp theo, trước khi trở lại công suất tối đa trong hai tuần tiếp theo nữa. Vào ngày 8/3, Goldman Sachs cảnh báo rằng giá dầu toàn cầu có thể vượt quá 100 USD/thùng trong vài ngày tới và đạt 150 USD/thùng vào cuối tháng 3 nếu không có dấu hiệu giải pháp nào xuất hiện vào thời điểm đó. Họ ước tính rằng tác động của cuộc chiến này lớn hơn 17 lần so với đỉnh điểm tháng 4/2022 liên quan đến cuộc chiến Nga - Ukraine, đẩy giá dầu lên 120 USD/thùng.

* **Gián đoạn nguồn cung:** Nguy cơ gián đoạn nguồn cung đang gia tăng khi các nhà sản xuất vùng Vịnh bắt đầu cắt giảm sản lượng và tạm ngưng vận chuyển do khủng hoảng. Hiện tại, Kuwait đã bắt đầu ngừng sản xuất tại một số mỏ dầu do dung lượng kho chứa đã đầy, cộng thêm vào việc cắt giảm dầu khí trước đó từ Iraq và Qatar. Mức độ gián đoạn sản xuất vẫn chưa được định lượng. Tại Iraq, sản lượng từ ba mỏ dầu chính phía nam đã giảm khoảng 70% xuống còn 1,3 triệu thùng/ngày từ 4,3 triệu thùng trước chiến tranh Iran. Đồng thời, các nhà xuất khẩu trong khu vực cảnh báo rằng nếu tình hình tiếp diễn, nhiều nhà sản xuất vùng Vịnh có thể tuyên bố bất khả kháng đối với xuất khẩu.

* **Chúng tôi có hai kịch bản cho giá dầu Brent và dự báo giá dầu Brent tăng trung bình lần lượt 9% và 19% trong giai đoạn 2026-2030.** Kịch bản cơ sở của chúng tôi là 70 USD/thùng vào năm 2026 (cao hơn 17% so với dự báo trước đó là 60 USD/thùng nếu tình trạng gián đoạn ở eo biển Hormuz ổn định trong một hoặc hai tháng), trong khi kịch bản cao là 90 USD/thùng vào năm 2026 (cao hơn 50% so với dự báo trước đó nếu tình trạng gián đoạn ở eo biển Hormuz kéo dài hơn hai tháng). Dự báo giá dầu Brent năm 2026 của chúng tôi ở mức 70 USD/thùng tăng nhẹ +2% so với năm trước và tương tự như kế hoạch của Tập đoàn PetroVietnam.

* **Tác động lên cổ phiếu như bên dưới, chúng tôi vẫn giữ PVS là lựa chọn hàng đầu. Các cổ phiếu được hưởng lợi trực tiếp bao gồm BSR, PVT, DPM, DCM.**

* **GAS: Tác động tích cực nhẹ** do giá khí đầu ra có khả năng cao hơn dự kiến (dựa trên giá dầu FO) đối với mảng kinh doanh khí (chúng tôi ước tính chiếm 23% tổng khối lượng vào năm 2026), giá LPG cao hơn đối với sản xuất LPG nội bộ; những yếu tố này có thể bù đắp cho khối lượng LPG và LNG thấp hơn do giá cao. Giá dầu FO từ đầu năm 2026 đến nay là 386 USD/tấn (-17% so với năm trước), khoảng 107% so với dự báo năm 2026 của chúng tôi. Giá LPG/LNG đã tăng 22%/41% sau sự kiện.

* **PVS, PVD: Tác động tích cực nhẹ** từ giá dịch vụ có khả năng cao hơn trong trung hạn. Giá dầu cao hơn giúp cải thiện lợi nhuận cho các nhà sản xuất dầu, điều này thường hỗ trợ nhu cầu cao hơn đối với các dịch vụ EPC, hoạt động khoan cao hơn và giá thuê giàn khoan tự nâng cao hơn trong trung hạn.

* **BSR: Tích cực** nhờ lợi nhuận từ tồn kho và chênh lệch giá giữa giá đầu vào và đầu ra cao hơn trong bối cảnh giá dầu tăng. Chúng tôi dự báo kết quả quý 1/2026 sẽ khả quan. Tính đến ngày 6/3/2026, chênh lệch giá dầu diesel tại Singapore đạt 58 USD/thùng (tăng 2,0 lần sau sự kiện), trong khi chênh lệch giá xăng ở mức 24 USD/thùng (tăng 2,1 lần sau sự kiện).

* **PVT: Tích cực.** PVT có thể hưởng lợi từ việc tăng giá cước vận chuyển tàu chở dầu, đặc biệt là đối với các hợp đồng giao ngay và hợp đồng chung, chiếm khoảng 25-30% tổng khối lượng vận chuyển. Tính đến thời điểm hiện tại, giá cước thuê tàu Aframax (tàu chở dầu thô) tăng 49% YoY, giá cước thuê tàu Medium Range (tàu chở sản phẩm dầu mỏ) tăng 22% YoY, và giá cước thuê tàu Handysize (tàu chở hóa chất) tăng 12% YoY. Trong tương lai, giá cước vận chuyển tàu chở dầu có thể tiếp tục tăng do khả năng định tuyến lại các tàu để tránh eo biển Hormuz, bao gồm cả việc chuyển hướng qua Mũi Hảo Vọng sẽ làm tăng khoảng cách vận chuyển và tăng giá cước vận chuyển. Tính đến ngày 5/3/2026, chỉ số giá cước vận tải dầu thô Baltic (đại diện cho giá giao ngay tàu chở dầu thô) đạt 3.083 điểm (+55% sau sự kiện), và chỉ số giá cước vận tải dầu sản phẩm Baltic (đại diện cho giá giao ngay sản phẩm dầu mỏ/hóa chất/LPG) đạt 1.654 điểm (+83% sau sự kiện).

* **DPM DCM: Tích cực.** Iran cũng chiếm khoảng 10% thương mại xuất khẩu urê toàn cầu. Giá urê quốc tế đã tăng khoảng 22% sau sự kiện lên 600 USD/tấn. Chúng tôi nhận thấy tác động tích cực đến DCM/DPM vì giá urê tăng có thể bù đắp cho giá khí đốt tăng cao.

* **PLX OIL:** Trung lập. Giá dầu cao hơn có thể mang lại lợi ích cho PLX/OIL trong ngắn hạn (tức là quý 1/2026) với nguồn nguyên liệu đầu vào thấp trong quý 4 năm 2025. Chúng tôi dự đoán kết quả quý 1/2026 khả quan. Tuy nhiên, giá dầu cao kéo dài thường dẫn đến thua lỗ vì giá đầu ra vẫn được điều tiết (cho đến khi Nghị định Dầu khí mới được phê duyệt và nếu Chính phủ điều chỉnh giá dầu thấp hơn giá đầu vào) trong khi phải đối mặt với sự tăng vọt của giá đầu vào. Tác động chuyển từ Trung lập trong kịch bản cơ sở sang Tiêu cực trong kịch bản cao.

* **NT2 POW QTP PPC: Hơi tiêu cực.** Giá dầu, khí đốt và than đá tăng cao có thể dẫn đến tác động tiêu cực nhẹ đối với các nhà máy điện chạy bằng khí đốt và than đá. Các nhà máy này chuyển toàn bộ biến động giá khí đốt, giá khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) và giá than cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đối với khối lượng đã ký hợp đồng (khoảng 80% tổng khối lượng). Tuy nhiên, giá nguyên liệu đầu vào cao hơn có thể dẫn đến mức độ huy động thấp hơn.

Ngành Xăng dầu: Giá xăng dầu trong nước tăng mạnh sau Nghị quyết 36/2026, cải thiện khả năng bù đắp chi phí và ổn định nguồn cung

* Tính đến ngày 7/3/2026, giá xăng RON95-III tăng lên 27.040 đồng/lít (+4.700 đồng/lít so với ngày 5/3/2026, +34% so với thời điểm căng thẳng Mỹ/Israel và Iran leo thang), trong khi dầu Diesel 0.05S tăng lên 30.230 đồng/lít (+7.200 đồng/lít so với ngày 5/3/2026, +57% so với thời điểm căng thẳng Mỹ/Israel và Iran leo thang). Sau đợt điều chỉnh này, giá RON95 đã quay trở lại mức tháng 7/2022, giai đoạn thị trường chịu tình trạng mất cân đối cung-cầu nghiêm trọng sau khi kinh tế phục hồi hậu COVID-19 và các gián đoạn nguồn cung từ xung đột Nga-Ukraine. Đáng chú ý, giá dầu diesel hiện đã vượt đỉnh tháng 6/2022.

* **Đợt điều chỉnh này được thực hiện theo Nghị quyết 36/NQ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6/3/2026.** Nghị quyết đồng ý Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp Bộ Tài Chính được ban hành việc điều chỉnh giá xăng dầu trong nước khi giá cơ sở của các sản phẩm xăng dầu tăng từ 7% trở lên so với kỳ điều hành trước. Nếu mức tăng dưới 7%, việc điều chỉnh giá vẫn tuân theo lịch điều hành định kỳ hàng tuần (mỗi thứ Năm) theo Nghị định 80/2023/NĐ-CP.

* **Quan điểm của chúng tôi:** Nghị quyết này cho phép điều chỉnh giá kịp thời hơn so với năm 2022 (khi việc điều chỉnh chậm đã tạo áp lực chi phí lớn cho các doanh nghiệp xăng dầu). Điều này giúp các nhà phân phối xăng dầu bù đắp chi phí đầu vào sát thực tế hơn, duy trì ổn định biên lợi nhuận trong giai đoạn giá dầu biến động mạnh, và quan trọng hơn là đảm bảo nguồn cung xăng dầu trên thị trường. Giá xăng dầu tăng cũng có thể hỗ trợ lợi nhuận ngắn hạn cho các doanh nghiệp như Petrolimex (PLX) và PV Oil (OIL), nhờ tồn kho tích lũy trong quý 4/2025 với giá vốn thấp hơn.

Ngành xăng dầu: Bộ Công Thương lấy ý kiến về dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định kinh doanh xăng dầu mới

* Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo Thông tư và hiện đang lấy ý kiến công khai. Thông tư này đưa ra các hướng dẫn chi tiết cho Nghị định kinh doanh xăng dầu sắp ban hành; trước đó Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo Nghị định để thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan, đồng thời trình Chính phủ xem xét.

Các điểm chính từ dự thảo Thông tư bao gồm:

* **Quỹ Bình ổn giá xăng dầu (PSF):** Dự thảo bổ sung các quy định liên quan đến cơ chế sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các sản phẩm xăng dầu. Theo đề xuất, các biện pháp bình ổn có thể được triển khai khi giá bán lẻ nhiên liệu trong nước tăng bất thường, tăng liên tục trong hơn một tháng với mức tăng lũy kế vượt 20%, qua đó có thể gây rủi ro đối với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và chi phí sinh hoạt của người dân. Tính đến ngày 07/03/26, số dư Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Petrolimex (PLX) đạt 3.088 tỷ đồng. Trong lịch sử, quỹ này đạt mức cao nhất 4.406 tỷ đồng vào tháng 06/2020, trước khi giảm xuống mức thấp nhất -414 tỷ đồng vào tháng 03/2022 (trong vòng 22 tháng), phản ánh việc quỹ bị rút mạnh trong giai đoạn giá xăng dầu tăng mạnh do mất cân đối cung-cầu nghiêm trọng sau đợt phục hồi của nền kinh tế hậu COVID-19 và các gián đoạn từ xung đột Nga-Ukraine.

* **Cơ chế giá bán lẻ:** Dự thảo Thông tư phù hợp với dự thảo Nghị định khi cho phép các đơn vị phân phối xăng dầu tự quyết định giá bán lẻ (phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi). Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp phân phối xăng dầu phản ánh tốt hơn chi phí đầu vào thực tế trong giá bán.

Quan điểm của chúng tôi: Việc công bố dự thảo Thông tư cho thấy Nghị định kinh doanh xăng dầu mới đang tiến gần đến giai đoạn phê duyệt cuối cùng, khi Thông tư thường đóng vai trò hướng dẫn thực thi sau khi Nghị định được ban hành. Chúng tôi cho rằng khung cơ chế giá đề xuất có thể giúp tăng tính linh hoạt của thị trường và khả năng phản ứng của nguồn cung, trong khi cơ chế bình ổn vẫn đóng vai trò là công cụ bảo vệ trước các biến động giá mạnh.

PVS: Doanh thu 2T 2026 tăng 32% YoY, phù hợp kỳ vọng

* **Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) công bố kết quả sơ bộ 2 tháng đầu năm 2026 (2T 2026) với doanh thu đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (+32% YoY; 10,8% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNTT đạt 185 tỷ đồng (7,3% dự báo năm 2026).** Nhìn chung, mức tăng trưởng này phù hợp với dự báo tăng trưởng doanh thu năm 2026 của chúng tôi là +28% YoY. Ngoài ra, PVS thường có xu hướng thận trọng trong các số liệu sơ bộ, do đó chúng tôi hiện không nhận thấy thay đổi đáng kể đối với dự báo, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Theo PVS, tăng trưởng doanh thu mạnh phản ánh nhu cầu ổn định đối với các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, cùng với tiến độ triển khai ổn định ở các mảng hoạt động chính.** Điều này bao gồm các hợp đồng EPCIC, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình ngoài khơi (O&M), và các hoạt động lắp đặt ngoài khơi. Một số cột mốc quan trọng đạt được trong đầu năm 2026 gồm lễ first-cut dự án trạm biển áp ngoài khơi Formosa 4, hạ thủy FSO Lạc Đà Vàng, và triển khai các hạng mục của dự án đường ống khí Lô B – Ô Môn.

* Trong thời gian tới, PetroVietnam đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu cho PVS giai đoạn 2026–2030 ở mức 15%/năm, cao hơn đáng kể so với dự báo CAGR doanh thu 2025–2030 hiện tại của chúng tôi là 7%, tương ứng tiềm năng điều chỉnh tăng đối với các dự báo dài hạn. Song song đó, PVS đang phối hợp với PVN xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm nâng cao năng lực tổng thầu EPC. Công ty dự kiến tăng năng lực doanh thu mảng M&C từ 1 tỷ USD năm 2024 lên 2 tỷ USD vào năm 2027, sau khi đã tăng gấp đôi từ 500 triệu USD năm 2021.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với PVS với giá mục tiêu 58.100 đồng/cổ phiếu.

HSG: Tiếp tục kế hoạch thận trọng cho năm tài chính 2026 (FY2026) với LNST giảm 18%-32% YoY; tái khẳng định Hoa Sen Home là động lực tăng trưởng chính trong tương lai - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ thường niên FY2026 của CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG) tổ chức vào ngày 7/3/2026. Dưới đây là những nội dung chính:

1. Kế hoạch FY2026: Triển vọng thận trọng trước những thách thức quốc tế

Đối với FY2026, HSG đưa ra hai kịch bản kế hoạch, cả hai đều dự kiến lợi nhuận sụt giảm so với kết quả năm 2025. Ban lãnh đạo cho rằng nguyên nhân đến từ các cuộc xung đột địa chính trị đang diễn ra, chủ nghĩa bảo hộ thương mại toàn cầu, nhu cầu trong nước chững lại, cạnh tranh gay gắt và giá nguyên liệu đầu vào cao.

Lãi suất tăng cao cũng là một thách thức. Ban lãnh đạo dự kiến chi phí lãi vay khoảng 50 tỷ đồng mỗi quý trong nửa đầu FY2026, tăng lên khoảng 100 tỷ đồng mỗi quý trong nửa cuối FY2026. Điều này tương ứng với tổng chi phí tài chính FY2026 khoảng 300 tỷ đồng, so với 184 tỷ đồng FY2025.

Trước những thách thức thị trường, ban lãnh đạo xem FY2026 là năm củng cố, tập trung tăng cường năng lực nội tại, bao gồm mở rộng đầu tư vào Hoa Sen Home, tối ưu hóa chi phí và đầu tư công nghệ để cải thiện năng suất, nhằm tạo nền tảng tăng trưởng cho những năm tới.

2. Tái cấu trúc chiến lược: Hoa Sen Home và Nhựa Hoa Sen

Hoa Sen Home (HSH):

Đại hội đã báo cáo tiến độ triển khai kế hoạch tái cấu trúc tập đoàn, đặc biệt là việc tách mảng kinh doanh phân phối HSH.

- CTCP Hoa Sen Home (HSH JSC) chính thức được thành lập vào ngày 5/1/2026 với vốn điều lệ ban đầu là 1.000 tỷ đồng. HSG hiện nắm giữ 99% cổ phần.

- Tăng vốn: ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch tăng vốn của HSH JSC lên 3.000 tỷ đồng để phục vụ cho sự độc lập và tăng trưởng bằng cách phát hành 200 triệu cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu (tức HSG). Sau đó, HSH kế hoạch chào bán một số cổ phiếu cho ban điều hành và nhân viên chủ chốt của HSG và các công ty con để gắn kết lợi ích.

- Lộ trình IPO: Kế hoạch dài hạn là đưa HSH trở thành công ty niêm yết trong vòng 5 năm tới.

Bối cảnh cơ bản:

- Hoa Sen Home (HSH) được thành lập vào năm 2021 như một phần trong mạng lưới phân phối của HSG. HSH hoạt động với tư cách là nhà phân phối/đại lý bán lẻ vật liệu xây dựng và nội thất, tận dụng năng lực sản xuất, hệ thống logistics và mạng lưới phân phối toàn quốc của HSG.

- Trong 1–2 năm qua, chúng tôi nhận thấy HSG đã đẩy mạnh đầu tư vào HSH, định vị đây là động lực tăng trưởng chính trong tương lai. Chúng tôi xem đây là phản ứng trước những điều kiện thách thức của thị trường tôn mạ, thúc đẩy tập đoàn đa dạng hóa và mở rộng sang mảng phân phối. Việc thành lập HSH JSC vào tháng 1/2026 như một pháp nhân riêng biệt để quản lý mạng lưới này đánh dấu một bước tiến xa hơn trong chiến lược này.

- Kế hoạch phát triển của HSH JSC: Trong giai đoạn đầu, công ty sẽ tập trung vào việc xây dựng cơ cấu quản lý, mở rộng mạng lưới phân phối, đa dạng hóa danh mục sản phẩm và cải thiện chất lượng dịch vụ. Về lâu dài, HSH đặt mục tiêu trở thành chuỗi bán lẻ vật liệu xây dựng và nội thất hàng đầu tại Việt Nam theo mô hình "one-stop shop", đồng thời tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả phù hợp với chiến lược tổng thể của HSG.

Nhựa Hoa Sen:

- HSG tiếp tục tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược cho mảng nhựa và đang cân nhắc các phương thức huy động vốn mới, bao gồm phát hành trái phiếu chuyển đổi.

- Các trái phiếu chuyển đổi có thể được chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược quan tâm đến mảng kinh doanh nhựa. Các điều khoản then chốt bao gồm kỳ hạn, lãi suất, giá chuyển đổi và thời điểm chuyển đổi sẽ do HĐQT quyết định, tuân thủ theo các phê duyệt tại ĐHCĐ FY2025.

3. Hủy bỏ kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ đã đề xuất năm 2025

- ĐHCĐ đã thông qua việc không thực hiện kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ như đề xuất tại ĐHCĐ FY2025 để tập trung nguồn vốn tái đầu tư vào các dự án cốt lõi của công ty.

4. Phân phối lợi nhuận FY2025 và kế hoạch cổ tức

Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau đây đã được thông qua cho KQKD năm tài chính trước:

- Cổ tức: Tỷ lệ chi trả 30% (trên mệnh giá) bằng cổ phiếu (so với 5% bằng tiền mặt năm ngoái).

- Thù lao HĐQT: 1,5% LNST hợp nhất cho thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm tài chính 2026.

- Các quỹ (Tối đa): 2% cho Quỹ Khen thưởng & Phát triển nguồn nhân lực, 2% cho Quỹ Phúc lợi, và 4% cho hoạt động Từ thiện & Tài trợ. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Ngành Năng lượng: Giá dầu tăng so với cùng kỳ trong năm 2026 do rủi ro chính trị leo thang

* **Sự kiện: Căng thẳng giữa Israel/Mỹ và Iran đang leo thang.** Vào ngày 28/2, Israel và Mỹ đã tiến hành một cuộc tấn công quy mô lớn vào Iran. Có thông tin xác nhận rằng các cuộc không kích của Lực lượng Phòng vệ Israel (IDF) vào Tehran đã tiêu diệt Lãnh tụ Tối cao Iran Ayatollah Ali Khamenei. Xung đột tiếp diễn với cường độ cao. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Pete Hegseth cho rằng xung đột có thể kéo dài ba tuần hoặc lên đến hai tháng. Theo Goldman Sachs, lưu lượng qua Eo biển Hormuz (lưu lượng chiếm khoảng 20% và 30% lượng dầu và LNG toàn cầu) đã giảm khoảng 80-85%. Tính đến ngày 4/3, họ giả định lưu lượng qua Eo biển Hormuz sẽ duy trì ở mức 15% so với mức bình thường trong 5 ngày tới, phục hồi lên mức 70% trong hai tuần tiếp theo, và trở lại mức công suất tối đa trong hai tuần sau đó. Vào ngày 8/3, Goldman Sachs cảnh báo rằng giá dầu toàn cầu có thể vượt mức 100 USD/thùng trong vài ngày tới và đạt 150 USD/thùng vào cuối tháng 3 nếu không có dấu hiệu giải quyết nào xuất hiện trước thời điểm đó. Họ ước tính tác động của sự kiện này lớn gấp 17 lần so với mức đỉnh vào tháng 4/2022 liên quan đến cuộc xung đột Nga - Ukraine, sự kiện từng đẩy giá dầu lên mức 120 USD/thùng.

* **Giá dầu đã tăng mạnh khoảng 50% sau các cuộc không kích lên mức 109 USD/thùng tính đến ngày 9/3/2026, điều mà chúng tôi cho rằng phần lớn là do rủi ro tại các điểm nghẽn giao thông thay vì tình trạng thiếu hụt nguồn cung dầu.** Theo Rystard Energy, gián đoạn nguồn cung do việc phong tỏa Eo biển Hormuz được ước tính sẽ làm mất khoảng 8 đến 10 triệu thùng dầu thô mỗi ngày (tương đương 8-10% nguồn cung toàn cầu) sau khi một số dòng chảy đã được chuyển hướng qua đường ống Đông - Tây của Ả Rập Xê-út và đường ống Abu Dhabi. Trong khi đó, Iran là một nhà sản xuất dầu lớn, với sản lượng khoảng 3 triệu thùng/ngày, chiếm khoảng 3% tổng sản lượng dầu toàn cầu. Chúng tôi lưu ý rằng mặc dù các lệnh trừng phạt đã hạn chế hoạt động

xuất khẩu của quốc gia này, nhưng dầu của Iran vẫn thâm nhập vào các thị trường, đặc biệt là Trung Quốc. ***Dữ liệu lịch sử cho thấy Eo biển Hormuz thường bị gián đoạn trong 30-45 ngày và giá dầu sẽ hạ nhiệt sau các sự kiện chiến tranh/xung đột.*** Nếu chúng tôi giả định mức gián đoạn 10 triệu thùng/ngày kéo dài trong khoảng 2 tháng, thì lượng dầu thâm hụt tiềm năng sẽ là 0,8 triệu thùng/ngày, chiếm khoảng 1% nguồn cung dầu toàn cầu.

*** Lượng dầu tồn kho toàn cầu sẽ là bộ đệm cung dầu trong ngắn hạn, nhưng việc Eo biển Hormuz bị gián đoạn kéo dài có thể thắt chặt đáng kể nguồn cung cho châu Á.** Tính đến ngày 10/2, dự báo thặng dư khoảng 3 triệu thùng dầu/ngày cho năm 2026 của EIA vẫn chưa bao gồm sự kiện này. Dự báo thặng dư này có thể giảm hoặc chuyển sang thâm hụt nếu tình trạng gián đoạn kéo dài nhiều tháng. Lượng dầu tồn kho quan sát được trên toàn cầu ở mức xấp xỉ 8,23 tỷ thùng vào đầu năm 2026, theo dữ liệu của IEA. Giả sử nguồn cung bị gián đoạn từ 5-10 triệu thùng/ngày, sẽ mất khoảng 66-133 ngày để lượng tồn kho toàn cầu giảm xuống mức tồn kho trong giai đoạn xung đột Nga - Ukraine. Trong năm 2025, có khoảng 13,4 triệu thùng dầu thô mỗi ngày đi qua Eo biển Hormuz. Hơn 80% khối lượng đó được chuyển đến các quốc gia châu Á, điều này nhấn mạnh sự phụ thuộc nặng nề của khu vực vào tuyến đường này. Theo Kchaosodenglish, số ngày tồn kho dầu thô ở các nước châu Á là khoảng 68 ngày. Trung Quốc và Thái Lan gần đây đã thông báo ngừng xuất khẩu các sản phẩm xăng dầu/dầu mỏ.

*** Chúng tôi đưa ra 2 kịch bản cho giá dầu Brent và nâng dự phóng giá dầu Brent trung bình lần lượt ở mức 9% và 19% cho giai đoạn 2026-2030.** Kịch bản cơ sở của chúng tôi là 70 USD/thùng cho năm 2026 (cao hơn 17% so với dự báo trước đó của chúng tôi là 60 USD/thùng), trong khi kịch bản tích cực là 90 USD/thùng cho năm 2026 (cao hơn 50% so với dự báo trước đó). Dự báo của chúng tôi cho giá dầu Brent năm 2026 ở mức 70 USD/thùng, tăng nhẹ +2% YoY và tương đương với kế hoạch của PVN.

*** Giá khí: Chúng tôi nâng giả định giá FO trung bình (tham chiếu cho giá khí đầu ra) giai đoạn 2026-2030 dự phóng lên 10%/20% trong kịch bản cơ sở/tích cực, chủ yếu do dự phóng giá dầu Brent được nâng lên mức 9%/19%. Chúng tôi nâng giá LNG nhập khẩu của Việt Nam (đã bao gồm thuế) giai đoạn 2026-2030 dự phóng trung bình lên 2% trong kịch bản cơ sở, chủ yếu do dồn trọng tâm vào dự phóng năm 2026 (+29% so với trước đó, +22% YoY) trong khi hạ dự phóng giai đoạn 2028-2030 để phù hợp với mẫu hình biểu đồ dự báo. Chúng tôi nâng giá LNG nhập khẩu của Việt Nam (đã bao gồm thuế) giai đoạn 2026-2030 dự phóng trung bình lên 9% trong kịch bản tích cực.**

*** Giá than:** Đối với dự phóng giai đoạn 2026-2030, chúng tôi nâng 5%/10% dự báo giá than trộn trung bình trong kịch bản cơ sở/tích cực của chúng tôi, do nhu cầu than tăng lên như một nguồn năng lượng thay thế khi giá dầu & khí tăng.

*** An ninh năng lượng của Việt Nam: Việt Nam thường nhập khẩu 2/3 lượng dầu thô, 1/3 lượng xăng dầu/sản phẩm dầu mỏ, khoảng 70% lượng LPG, và khoảng 15% tổng nhu cầu khí dưới dạng LNG.** Bất chấp sự phụ thuộc ngày càng tăng vào nhập khẩu dầu thô, các nhà máy lọc dầu và nhà phân phối xăng dầu của Việt Nam cho biết họ đã đảm bảo được ít nhất 2 tháng tổng lượng hàng tồn kho, bao gồm khoảng 30 ngày ở cấp độ nhà máy lọc dầu và 25-30 ngày ở cấp độ nhà phân phối. Vào ngày 2/3/2026, PVGas Trading (công ty con của PetroVietnam Gas) đã tuyên bố tình trạng bất khả kháng đối với các đợt giao hàng do những vụ việc nằm ngoài tầm kiểm soát. Các lô hàng LPG dự kiến giao cho khách hàng từ thời điểm đó đến ngày 10/3/2026 bị trì hoãn/cắt giảm trong khi các đợt giao hàng sau ngày 10/3 có thể bị tạm ngưng. ***Tuy nhiên, vào ngày 3/3/2026, GAS đã nhanh chóng thông báo rằng họ đã đảm bảo được nguồn cung LPG bằng cách đa dạng hóa nguồn cung ứng LPG bên ngoài khu vực Trung Đông,*** ưu tiên nhu cầu trong nước (cân bằng xuất nhập khẩu) và thúc đẩy sản lượng tại các nhà máy xử lý khí Dinh Cố và Cà Mau thêm khoảng 5%; công ty cho biết nguồn cung LPG trong tháng 3 và giai đoạn sắp tới đã được đảm bảo. Ngoài ra, GAS cũng khẳng định nguồn cung LNG đang ổn định với các nguồn đầu vào chủ yếu từ Úc và một phần từ Mỹ.

* Chúng tôi kỳ vọng vào triển vọng tích cực cho các hoạt động thăm dò và khai thác trong nước. Các Nghị quyết bao gồm Nghị quyết 70, 66 và 79 được ban hành để hỗ trợ tích cực cho sự phục hồi và phát triển của ngành dầu khí Việt Nam. Chúng tôi tin rằng cơ chế đặc thù cho PVN sẽ được phê duyệt trong nửa đầu năm và Luật Dầu khí sửa đổi sẽ được thông qua trong nửa cuối năm, thúc đẩy chu kỳ đầu tư dài hạn cho ngành dầu khí Việt Nam.

KDH: Doanh số bán BĐS của các dự án tại khu vực lõi TP.HCM dự kiến duy trì tích cực bất chấp các yếu tố bất lợi - Cập nhật

Ngành	BĐS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	09/03/2025	TT Doanh thu	42,6%	53,2%	32,4%	10,8%
Giá hiện tại	23.950 VND	TT EPS	19,8%	58,9%	36,5%	32,8%
Giá mục tiêu	43.700 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	1.053	1.672	2.283	3.033
Giá mục tiêu gần nhất	48.500 VND	Biên LN gộp	59,4%	67,9%	53,4%	53,9%
TL tăng	+82,5%	Biên LN ròng	22,5%	23,4%	24,1%	28,9%
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/E	27,5x	17,3x	12,7x	9,5x
Tổng mức sinh lời	+82,5%	P/B	1,5x	1,3x	1,2x	1,1x
GT vốn hóa	26,4 nghìn tỷ đồng			KDH	Peers	VNI
Room KN	3,8 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		27,5x	13,4x	15,9x
GTGD/ngày (30n)	174,2 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,5x	1,2x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		5,9%	6,3%	14,6%
SL cổ phiếu lưu hành	1,1 tỷ	ROA		5,0%	2,5%	2,1%
Pha loãng	1,1 tỷ					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA nhưng điều chỉnh giảm 10% giá mục tiêu xuống mức 43.700 đồng/cổ phiếu đối với CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH). Mức giá mục tiêu thấp hơn phản ánh các giả định thận trọng hơn về đà tăng trưởng của giá bán trung bình tại các dự án trong suốt chu kỳ bán hàng (3-5% so với 5-8% trước đây), mức tăng của chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) dự kiến sẽ hỗ trợ tỷ lệ hấp thụ nhà trong bối cảnh lãi suất tăng, cùng với mức tăng 0,1 điểm % đối với giả định WACC của chúng tôi, mà được bù đắp một phần bởi việc chúng tôi đưa dự án khu dân cư Cát Lái (8,2 ha; phường Cát Lái, TP.HCM) vào định giá của chúng tôi.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 sẽ tăng mạnh 59% YoY lên mức 1,7 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ việc công ty tiếp tục ghi nhận doanh số bán và bàn giao các sản phẩm thấp tầng tại dự án Gladia.

* Đối với năm 2027, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS sẽ tăng 37% so với năm 2026, nhờ được hỗ trợ bởi việc hoàn tất bàn giao các sản phẩm thấp tầng của Gladia và bắt đầu mở bán cũng như bàn giao tại Gladia cao tầng, The Solina, KCN Lê Minh Xuân (LMX) mở rộng và dự án Bình Trưng Đông.

* Chúng tôi lần lượt điều chỉnh giảm 5%/6% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-27, nhằm phản ánh mức tăng của chi phí SG&A và chi phí tài chính cùng với tiến độ bàn giao chậm hơn tại dự án Bình Trưng Đông trong năm 2027. Các tác động này được bù đắp một phần bởi việc chúng tôi đưa vào dự báo của chúng tôi phần doanh thu ghi nhận hàng tồn kho trong năm 2026 của một số dự án trước đây tại TP.HCM (so với giả định trước đây là không có) và việc dời một phần tiến độ bàn giao các sản phẩm thấp tầng của dự án Gladia sang năm 2027.

* Chúng tôi kỳ vọng doanh số bán của mảng BĐS nhà ở sẽ đạt mức trung bình 7,6 nghìn tỷ đồng/năm trong giai đoạn 2026-2027, cao hơn gấp đôi mức trung bình 3 năm trước, nhờ được thúc đẩy bởi hoạt động mở bán các dự án mới.

* KDH hiện đang giao dịch ở mức P/B dự phóng các năm 2026/27 là 1,3x/1,2x, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm của công ty là 2,2x. Chúng tôi cho rằng mức định giá này hiện đang thấp hơn so với giá trị thực của công ty, xét đến quỹ đất quy mô lớn tại khu vực lõi TP.HCM, nền tảng cơ bản vững chắc và triển vọng tăng trưởng dài hạn.

* Rủi ro: tiến độ mở bán các dự án mới chậm hơn kỳ vọng; căng thẳng địa chính trị kéo dài có thể gây áp lực lên cân bằng chính sách của NHNN.

NLG: Backlog lớn dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi; định giá hấp dẫn - Cập nhật

Ngành	BDS		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	09/03/2026	TT Doanh thu	-21,6%	-11,2%	3,6%	-1,3%
Giá hiện tại	24.200 VND	TT EPS	33,6%	-19,6%	38,0%	31,5%
Giá mục tiêu	45.800 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	701	698	963	1.266
Giá mục tiêu gần nhất	52.100 VND	Biên LN gộp	41,8%	45,5%	40,3%	36,3%
TL tăng	+89,3%	Biên LN ròng	12,4%	13,9%	18,5%	24,7%
Lợi suất cổ tức	1,6%	P/E	14,1x	17,5x	12,7x	9,7x
Tổng mức sinh lời	+90,9%	P/B	0,9x	0,9x	0,8x	0,8x
GT vốn hóa	11,8 nghìn tỷ đồng			NLG	Peers	VNI
Room KN	601,9 tỷ đồng	P/E (trượt)		14,1x	27,4x	15,9x
GTGD/ngày (30n)	97,7 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		0,9x	1,2x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	0,0%	ROE		6,3%	5,9%	14,6%
SL cổ phiếu lưu hành	485,1 tr	ROA		3,3%	3,0%	2,1%
Pha loãng	485,1 tr					

* Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA nhưng điều chỉnh giảm 12% giá mục tiêu xuống 45.800 đồng/cổ phiếu đối với CTCP Đầu tư Nam Long (NLG). Mức giá mục tiêu thấp hơn chủ yếu phản ánh (1) các giả định về dự án thận trọng nhằm hỗ trợ khả năng hấp thụ sản phẩm trong bối cảnh lãi suất cao hơn, (2) kéo dài tiến độ bán hàng của dự án Waterpoint giai đoạn 2, và (3) mức tăng 0,1 điểm % đối với giả định WACC của chúng tôi; các yếu tố này được bù đắp một phần bởi (4) số dư tiền mặt ròng cao hơn kỳ vọng tại cuối năm 2025 và (5) mức điều chỉnh tăng lần lượt 33%/25% đối với dự báo doanh số bán BDS năm 2026/2027 của chúng tôi.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 sẽ đạt 698 tỷ đồng (đi ngang YoY), nhờ được thúc đẩy bởi mức tăng YoY của lượng bàn giao tại các dự án Southgate, Izumi City và Mizuki Park, cùng với khoản lãi dự kiến từ hoạt động bán đất thương mại tiềm năng. Nếu loại trừ giao dịch bán cổ phần trong năm 2025 và giả định bán đất thương mại năm trong 2026, dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi của NLG sẽ tăng gấp đôi YoY trong năm 2026.

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 3% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 do mức tăng của dự báo chi phí bán hàng & quản lý và chi phí tài chính, nhưng điều chỉnh tăng dự báo năm 2027 lên thêm 9%, chủ yếu nhờ mức gia tăng của hoạt động bàn giao (bao gồm dự án Elyse Island/Paragon), được hỗ trợ bởi tiến độ mở bán nhanh hơn kỳ vọng vào cuối năm 2025.

* Chúng tôi dự báo doanh số bán BDS năm 2026 sẽ tăng 8% YoY lên mức 12,9 nghìn tỷ đồng, nhờ được dẫn dắt bởi cụm dự án Đồng Nai (Izumi City & Elyse Island; 42%), Southgate (26%) và Mizuki Park (17%). Chúng tôi dự báo doanh số bán BDS năm 2027 sẽ tăng 13% so với năm 2026 lên mức 14,6 nghìn tỷ đồng, với đóng góp mới từ Akari City giai đoạn 3 và VSIP Hải Phòng.

* NLG hiện đang giao dịch ở mức P/B dự phóng năm 2026 là 0,9x, thấp hơn ngưỡng -2 độ lệch chuẩn là 1,1x so với mức trung bình 5 năm của công ty. Chúng tôi cho rằng đợt điều chỉnh giá cổ phiếu (khoảng 34% trong bốn tháng qua) đã tạo ra điểm mua hấp dẫn đối với NLG, xét đến triển vọng lợi nhuận cốt lõi rõ ràng, bảng cân đối kế toán lành mạnh và danh mục dự án vững chắc.

* Rủi ro: tiến độ doanh số bán BDS tại các dự án trọng điểm chậm hơn kỳ vọng; căng thẳng địa chính trị kéo dài có thể gây áp lực lên việc điều hành chính sách của NHNN.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
DXS	Bất động sản	29%	132	0,5	5.980	13.600	127%	0,0%	127%	MUA	05/12/25	11,4	6,9	18,6	0,6
NLG	Bất động sản	5%	448	3,7	24.200	52.100	115%	1,6%	117%	MUA	07/11/25	14,1	17,0	18,6	0,9
KDH	Bất động sản	14%	1.026	6,6	23.950	48.500	103%	0,0%	103%	MUA	12/11/25	27,5	16,3	18,6	1,5
NVL	Bất động sản	42%	895	2,8	10.500	20.000	90%	0,0%	90%	MUA	01/10/25	12,2	58,6	18,6	0,5
DXG	Bất động sản	26%	559	10,2	13.150	24.000	83%	0,0%	83%	MUA	05/12/25	63,2	30,4	18,6	1,0
STK	Dệt may	83%	78	0,0	14.500	25.500	76%	0,0%	76%	KQ	17/01/25	41,0	9,8	15,2	1,2
GEX	Điện & Nước	42%	1.142	16,7	33.150	54.000	63%	1,5%	64%	MUA	30/12/25	19,5	21,8	12,8	1,7
HVN	Hàng không	21%	2.691	1,7	22.650	37.100	64%	0,0%	64%	KQ	22/07/25	9,7	8,1	16,3	11,7
FPT	CNTT	8%	4.937	67,0	75.900	116.600	54%	3,0%	57%	MUA	22/10/25	13,8	12,3	20,6	3,5
VPB	Ngân hàng	6%	7.513	21,5	24.800	38.000	53%	2,0%	55%	MUA	19/11/25	8,2	6,5	10,4	1,2
VGC	KCN	43%	733	3,3	42.800	64.100	50%	5,1%	55%	MUA	21/10/25	13,7	12,3	15,7	2,2
ACB	Ngân hàng	0%	4.256	14,6	21.700	33.300	53%	0,0%	53%	MUA	11/11/25	7,2	5,4	10,4	1,2
SZC	KCN	18%	194	1,8	28.300	42.400	50%	3,5%	53%	KQ	01/07/25	16,0	14,5	18,6	1,6
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.079	2,3	42.450	59.000	39%	11,8%	51%	MUA	06/01/26	12,7	12,1	14,2	2,6
BMP	VLXD	14%	439	0,7	140.500	192.500	37%	11,4%	48%	MUA	12/11/25	9,5	8,2	15,7	4,0
MSN	Bán lẻ	24%	3.765	20,6	68.200	101.200	48%	0,0%	48%	MUA	21/05/25	24,0	23,2	12,8	2,8
TCB	Ngân hàng	0%	7.914	20,7	29.250	41.500	42%	4,1%	46%	MUA	04/03/26	8,2	6,9	10,4	1,2
ACV	Hàng không	46%	6.258	3,9	44.800	64.600	44%	0,0%	44%	KQ	19/11/25	13,3	20,2	12,8	2,4
HPG	VLXD	27%	7.430	59,4	25.350	35.700	41%	3,2%	44%	MUA	10/11/25	13,1	9,3	15,0	1,5
BMI	Bảo hiểm	19%	94	0,3	16.400	23.100	41%	3,0%	44%	MUA	12/04/24	10,9	6,5	12,8	0,8
IDC	KCN	32%	565	6,9	39.000	54.000	38%	5,1%	44%	MUA	26/11/25	7,7	7,8	18,6	2,3
SSI	Chứng khoán	66%	2.787	53,9	29.300	40.800	39%	3,4%	43%	KQ	27/08/25	14,8	16,0	20,5	2,3
HDG	Điện & Nước	31%	367	2,5	25.950	37.000	43%	0,0%	43%	KQ	17/11/25	13,4	7,6	18,6	1,4
ACG	Gỗ	11%	192	0,0	33.350	45.800	37%	5,1%	42%	MUA	15/07/25	10,5	8,3	15,0	1,2
HDC	Bất động sản	46%	132	2,3	17.300	24.600	42%	0,0%	42%	KQ	09/01/26	5,4	11,1	18,6	1,2
KBC	KCN	31%	1.075	6,4	29.900	42.500	42%	0,0%	42%	MUA	24/11/25	11,9	9,5	18,6	1,1
MCH	Bán lẻ	33%	6.534	3,0	132.200	181.700	37%	4,5%	42%	PHTT	28/11/25	25,6	22,4	14,2	9,5

BWE	Điện & Nước	39%	355	1,2	42.300	58.700	39%	3,1%	42%	MUA	02/02/26	11,3	10,2	12,6	1,6
HDB	Ngân hàng	1%	4.606	21,4	24.100	33.000	37%	2,1%	39%	MUA	06/03/26	6,7	5,7	10,4	1,6
CTG	Ngân hàng	3%	9.846	18,4	33.200	44.900	35%	0,0%	35%	MUA	17/11/25	8,5	8,2	10,4	1,5
F88	Tài chính TT	0%	506	0,3	124.700	168.000	35%	0,0%	35%	KQ	21/01/26	19,1	13,9	#N/A	5,4
VHM	Bất động sản	39%	13.864	30,2	88.400	118.900	35%	0,0%	35%	KQ	05/12/25	8,8	8,8	18,6	1,5
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	472	3,8	55.100	71.600	30%	3,6%	34%	MUA	26/01/26	9,1	7,0	14,2	1,3
REE	Điện & Nước	0%	1.193	1,8	57.700	75.900	32%	1,7%	33%	MUA	23/02/26	22,6	10,6	12,8	1,5
MBB	Ngân hàng	0%	7.643	38,8	24.850	32.500	31%	2,0%	33%	MUA	24/11/25	8,0	6,3	10,4	1,5
DGC	Công nghiệp	34%	1.030	13,3	71.000	91.200	28%	4,2%	33%	MUA	02/03/26	9,5	9,0	15,2	1,8
GMD	GTVT	9%	1.182	9,4	72.600	93.900	29%	3,2%	33%	MUA	26/02/26	19,7	12,8	12,8	2,4
MWG	Bán lẻ	1%	4.317	32,6	77.000	101.000	31%	1,3%	32%	MUA	14/10/25	16,0	13,6	12,4	3,5
SIP	KCN	44%	502	1,7	54.300	69.800	29%	3,7%	32%	MUA	22/12/25	10,5	10,2	18,6	2,5
VRE	Bất động sản	31%	2.121	7,6	24.450	32.000	31%	0,0%	31%	PHTT	05/12/25	8,6	10,2	18,6	1,2
CTR	CNTT	40%	343	2,0	78.600	100.400	28%	2,5%	30%	KQ	12/09/25	20,0	17,5	15,7	4,4
TV2	Điện & Nước	5%	89	1,7	34.600	43.900	27%	2,9%	30%	MUA	18/09/25	39,4	13,8	12,8	1,8
TLG	Văn phòng phẩm	85%	186	0,5	50.400	61.900	23%	6,9%	30%	MUA	12/09/25	10,8	8,2	12,6	1,9
VCB	Ngân hàng	8%	18.282	24,5	57.300	73.500	28%	1,4%	30%	MUA	10/11/25	14,8	13,2	10,4	2,1
FRT	Bán lẻ	16%	911	4,3	140.100	178.800	28%	0,7%	28%	MUA	13/11/25	27,5	21,2	12,4	5,7
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.637	33,5	58.100	70.300	21%	6,9%	28%	MUA	24/04/25	12,9	13,8	14,2	4,0
QTP	Điện & Nước	48%	210	0,3	12.200	14.600	20%	8,2%	28%	MUA	10/12/25	5,4	8,3	12,6	0,9
NT2	Điện & Nước	37%	283	1,7	25.750	30.300	18%	9,7%	27%	MUA	26/02/26	7,7	7,0	12,6	1,5
PVS	Dầu khí	34%	896	21,4	45.900	58.100	27%	0,0%	27%	MUA	26/02/26	16,1	15,4	24,5	1,6
DPG	Điện & Nước	41%	183	1,8	40.500	48.700	20%	2,5%	23%	MUA	06/01/26	10,2	6,2	15,7	2,2
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	661	0,3	46.900	53.400	14%	8,5%	22%	KQ	30/08/24	9,0	6,7	14,2	1,6
DHC	Công nghiệp	13%	125	1,4	33.950	40.100	18%	3,8%	22%	MUA	16/12/25	8,3	8,1	15,0	1,5
PLC	Dầu khí	48%	83	1,4	27.000	31.900	18%	3,7%	22%	MUA	12/09/25	160,7	8,6	15,2	1,8
AST	DV Hàng không	5%	120	0,0	69.700	80.600	16%	5,0%	21%	MUA	26/08/25	12,5	12,1	12,4	5,3
PHR	Công nghiệp	34%	295	2,2	57.000	67.400	18%	2,4%	21%	KQ	25/06/25	16,7	10,6	15,2	1,9
PPC	Điện & Nước	40%	118	0,2	9.650	11.000	14%	5,2%	19%	KQ	10/12/25	19,0	9,6	12,6	0,7
VIB	Ngân hàng	0%	2.034	4,4	15.650	18.500	18%	0,0%	18%	KQ	23/05/25	7,3	6,0	10,4	1,1

PC1	Điện & Nước	33%	411	10,7	26.200	30.500	16%	0,0%	16%	MUA	02/02/26	11,1	9,9	15,7	1,7
TDM	Điện & Nước	48%	245	1,0	57.800	65.300	13%	2,6%	16%	KQ	02/02/26	33,2	31,2	12,6	2,5
BID	Ngân hàng	12%	10.872	15,5	40.550	46.100	14%	0,0%	14%	MUA	17/11/25	10,7	11,8	10,4	1,7
PTB	Công nghiệp	12%	147	0,5	48.000	52.000	8%	4,4%	13%	KQ	06/10/25	6,4	8,3	15,0	1,2
VEA	Ô-tô	47%	1.628	0,9	31.800	30.800	-3%	15,2%	12%	PHTT	28/10/25	5,8	6,0	12,8	1,6
SCS	DV Hàng không	14%	186	0,9	51.300	51.200	0%	10,7%	11%	PHTT	13/01/26	6,5	7,0	16,3	3,3
DGW	Bán lẻ	30%	352	7,4	41.650	45.400	9%	1,2%	10%	PHTT	18/11/25	16,8	14,9	12,4	2,7
PNJ	Bán lẻ	0%	1.387	11,4	106.500	113.500	7%	1,9%	8%	MUA	07/11/25	14,1	14,3	12,6	2,7
POW	Điện & Nước	45%	1.587	15,7	13.550	14.300	6%	0,0%	6%	KQ	10/12/25	17,0	21,9	12,6	1,2
TPB	Ngân hàng	7%	1.663	14,5	15.700	16.500	5%	0,0%	5%	MUA	27/05/25	5,9	5,7	10,4	1,0
HSG	VLXD	41%	327	2,5	13.800	13.500	-2%	3,6%	1%	PHTT	18/04/25	13,7	14,6	15,0	0,8
LPB	Ngân hàng	4%	4.603	3,9	40.350	39.300	-3%	2,5%	0%	KKQ	18/11/25	10,6	11,1	10,4	2,6
NKG	VLXD	45%	231	3,9	13.500	13.100	-3%	0,0%	-3%	PHTT	18/04/25	30,6	10,4	15,0	0,8
GAS	Dầu khí	47%	9.610	16,4	104.300	98.200	-6%	2,4%	-3%	PHTT	23/01/26	22,5	19,1	12,6	3,8
DCM	Phân bón	44%	931	10,8	46.050	41.600	-10%	4,3%	-5%	MUA	29/01/26	13,0	11,3	15,2	2,3
STB	Ngân hàng	9%	4.377	30,3	60.800	55.400	-9%	0,0%	-9%	KQ	08/12/25	19,3	9,8	10,4	1,9
PVD	Dầu khí	43%	838	16,6	39.500	35.600	-10%	0,0%	-10%	MUA	09/01/26	24,6	19,8	24,5	1,3
DPM	Phân bón	42%	778	14,1	29.950	25.300	-16%	4,0%	-12%	KQ	29/01/26	22,7	20,2	15,2	1,8
GVR	Công nghiệp	12%	5.369	11,8	35.150	30.500	-13%	1,1%	-12%	KQ	31/12/25	25,0	23,0	15,2	2,5
PVT	Dầu khí	39%	513	11,1	28.600	24.100	-16%	0,0%	-16%	KQ	26/01/26	13,5	12,1	12,8	1,6
BVH	Bảo hiểm	22%	2.021	2,5	71.300	56.900	-20%	1,3%	-19%	KQ	26/05/25	17,8	16,9	12,8	2,2
VTP	GTVT	43%	422	2,5	90.800	69.000	-24%	1,7%	-22%	PHTT	06/09/24	31,7	26,7	12,8	6,3
VJC	Hàng không	18%	3.456	9,7	153.000	114.000	-25%	0,0%	-25%	KQ	15/03/24	42,6	17,1	16,3	3,7
PLX	Xăng dầu	3%	2.799	18,8	57.700	41.100	-29%	2,1%	-27%	MUA	13/10/25	29,9	25,1	24,5	2,8
VIC	Bất động sản	40%	42.842	34,9	145.600	105.000	-28%	0,0%	-28%	BÁN	05/12/25	80,9	79,6	18,6	7,6
OIL	Dầu khí	1%	910	8,5	20.900	12.700	-39%	0,5%	-39%	KQ	17/10/25	51,0	46,1	24,5	2,3
BSR	Lọc hóa dầu	49%	6.902	25,4	36.100	12.400	-66%	0,0%	-66%	BÁN	28/08/25	34,8	46,0	24,5	3,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	48	121.251	2.526	16	13,7	10,9	9,5	14,6	1,7	22,4	17,9	12,6	2,0	3,0%
KHẢ QUAN	24	49.732	2.072	8	14,8	12,9	11,8	15,2	2,0	24,9	19,3	15,3	2,5	1,6%
PHÙ HỢP TT	9	21.412	2.379	1	17,5	16,4	15,4	18,3	3,0	17,4	18,0	14,6	3,3	4,4%
KÉM KHẢ QUAN	1	4.603	4.603	0	13,1	10,6	11,1	10,4	2,6	13,1	10,6	11,1	2,6	2,5%
BÁN	2	49.745	24.872	1	97,6	68,4	72,3	45,7	6,2	134,0	57,9	62,8	5,3	0,0%
TỔNG CỘNG	84	246.742	2.937	26	17,3	14,2	12,7	16,2	2,2	25,1	19,1	14,8	2,3	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	83.609	6.967	11	11,0	9,6	8,3	12,3	1,5	10,5	9,6	8,1	1,5	1,2%
Bảo hiểm	2	2.115	1.058	1	23,5	17,4	15,8	14,3	2,0	18,1	14,4	11,7	1,5	2,2%
Chứng khoán	1	2.787	2.787	1	23,5	14,8	16,0	20,6	2,3	23,5	14,8	16,0	2,3	3,4%
Tài chính thay thế	1	506	506	0	39,1	19,1	13,9	25,7	5,4	39,1	19,1	13,9	5,4	0,0%
Tiêu dùng	13	27.274	2.098	4	17,4	15,2	14,2	19,7	3,4	22,9	15,7	13,9	3,4	5,0%
CNTT	1	4.937	4.937	1	16,3	13,8	12,3	21,2	3,5	16,3	13,8	12,3	3,5	3,0%
Bất động sản	9	62.020	6.891	2	39,4	24,5	25,0	23,1	3,1	32,0	25,8	26,5	1,8	0,2%
Vật liệu	4	8.427	2.107	1	16,1	13,0	9,4	17,9	1,5	13,9	16,7	10,6	1,8	4,5%
Điện & Nước	12	6.185	515	1	21,1	15,1	12,8	19,3	1,4	29,3	17,5	13,2	1,5	3,1%
Dầu khí	10	24.261	2.426	2	34,6	25,0	22,9	18,4	2,8	49,2	38,9	22,4	2,2	1,7%
Công nghiệp	5	1.572	314	0	10,5	9,4	8,8	12,2	1,5	15,1	15,2	8,7	1,4	3,5%
Khu công nghiệp	7	8.733	1.248	1	24,7	17,2	15,4	18,4	2,1	24,3	14,5	12,6	2,0	3,0%
GTVT & Logistics	7	14.316	2.045	1	14,1	15,2	14,5	19,3	3,2	20,3	19,4	14,9	5,0	2,9%
TỔNG CỘNG	84	246.742	2.937	26	17,3	14,2	12,7	16,2	2,2	25,1	19,1	14,8	2,3	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q4 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	-7%		MUA		Chi phí dự phòng một lần trong quý 4 ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh cả năm, nhưng củng cố chất lượng tài sản cho triển vọng tăng trưởng năm 2026
BID	17%		MUA		Lợi nhuận vượt kỳ vọng nhờ NIM và thu hồi nợ xấu tốt hơn dự kiến
CTG	36%		MUA		Lợi nhuận năm 2025 tăng trưởng lợi mạnh nhờ chất lượng tài sản cải thiện đáng kể
HDB	34%		KQ		Lợi nhuận phục hồi trong quý 4/2025 với đà tăng trưởng tín dụng vượt dự kiến ; chất lượng tài sản cải thiện
LPB	18%		BÁN		KQKD vượt kỳ vọng nhờ thu hồi nợ xấu tích cực, tuy nhiên vẫn tồn tại rủi ro điều chỉnh giảm đối với tăng trưởng tín dụng
MBB	18%		MUA		Lợi nhuận vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng tín dụng dẫn đầu và chất lượng tài sản cải thiện mạnh
STB	-40%		MUA		Chi phí dự phòng cho các khoản tổn động lớn ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm 2025
TCB	17%		MUA		KQKD phù hợp kỳ vọng với hiệu quả hoạt động vững chắc trên các chỉ số chính và tiến triển tích cực trong việc đa dạng hóa danh mục tín dụng
TPB	21%		MUA		Chất lượng tài sản cải thiện, lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi
VCB	4%		MUA		Kết quả quý 4 khả quan với NIM cải thiện đáng kể
VIB	7%		KQ		Mảng cho vay bán lẻ duy trì ở mức yếu; chất lượng tài sản cải thiện
VPB	52%		MUA		Động lực tăng trưởng toàn tập đoàn củng cố mục tiêu lợi nhuận 2026 mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	9%		MUA		Lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng do doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng yếu trong quý 4, chi phí trích lập dự phòng nợ xấu tăng mạnh
BVH	43%		KQ		Mức dự phòng kỹ thuật thấp hơn, và mức tăng mạnh của thu nhập tài chính giúp hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận
SSI	43%		MUA		Thị phần môi giới tiếp tục tăng
F88	39%		KQ		KQKD năm 2025 vững chắc với đà tăng trưởng mạnh mẽ tiếp tục trong năm 2026
Tiêu dùng					
CTR	11%	14%	KQ		LNST sau lợi ích CBDS tăng 11% YoY trong năm 2025, phù hợp với kỳ vọng
DGW	23%		PHTT		KQKD cốt lõi khả quan bù đắp chi phí tài chính tăng, qua đó hỗ trợ LNST sau lợi ích CBDS năm 2025 tăng 23% YoY

FPT	19%		MUA	LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 tăng 19% YoY, vượt nhẹ dự báo; tăng trưởng doanh thu kỷ mới mảng CNTT nước ngoài tăng lên mức 23% YoY
FRT	150%		MUA	Long Châu duy trì tăng trưởng lợi nhuận vững chắc; lợi nhuận ròng của FPT Shop tăng tốc trong quý 4/2025
MSN (2)	111%		MUA	WCM tiếp tục với công thức thành công, MCH tăng tốc trở lại trong 2026
MCH	-15%		PHTT	Doanh thu quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng, với quý 4/2025 là điểm đổi chiều xu hướng
MWG	89%		MUA	GDD & ĐMX duy trì đà tăng trưởng mạnh, BHX tăng tốc, đặt kế hoạch LNST trong năm 2026 tăng 30% YoY
PNJ	33%		MUA	KQKD quý 4 tích cực với doanh thu bán lẻ tăng 27% YoY, LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 67% YoY – vượt kỳ vọng
QNS	-24%		KQ	Lợi nhuận năm 2025 chịu áp lực từ KQKD kém khả quan của mảng đường và chi phí A&P tăng cao, nhưng được bù đắp một phần bởi đà tăng trưởng ổn định của mảng sữa đậu nành
SAB	2%	5%	MUA	Biên lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong năm 2025, LNST sau lợi ích CĐTS tăng 2% YoY bất chấp áp lực từ sản lượng bia
TLG	-2%	20%	MUA	Lãi bất thường thúc đẩy KQKD quý 4 tăng mạnh, dù lợi nhuận năm tài chính 2025 thấp hơn kỳ vọng
VEA	0%	-3%	PHTT	Lợi nhuận năm 2025 đi ngang, chịu áp lực từ sự dịch chuyển mang tính cấu trúc của thị trường sang giao thông xanh
VHC	11%	30%	MUA	Kết quả quý 4 thấp hơn kỳ vọng và sự sụt giảm thu nhập tài chính gây áp lực lên lợi nhuận năm 2025
VNM	0%		MUA	Mục tiêu tăng trưởng sơ bộ một chữ số, chi phí SG&A cao hơn cho các chiến dịch marketing trong năm 2026
GTVT & Logistics				
ACV	5%	-35%	KQ	Hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK chịu tác động từ chi phí sửa chữa tài sản tăng mạnh trong quý 4; KQKD 2025 nhìn chung phù hợp dự báo
AST	68%	6%	MUA	Lợi nhuận năm 2025 vượt kỳ vọng; tăng trưởng được dẫn dắt bởi việc mở rộng mạng lưới và biên lợi nhuận duy trì ở mức cao, củng cố tiềm năng tăng trưởng từ năm 2026
GMD (2)	24%	31%	MUA	MUA Tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 được thúc đẩy bởi toàn bộ các cảng; định giá hấp dẫn
HVN	-3%	19%	PHTT	Biên lợi nhuận thu hẹp ảnh hưởng đến KQKD quý 4/2025; kết quả cả năm thấp hơn kỳ vọng
SCS	8%	-6%	PHTT	Doanh thu quý 4 cải thiện QoQ nhờ yếu tố mùa vụ; biên lợi nhuận giảm QoQ nhiều khả năng do chi phí thường cuối năm
VJC	51%	N.A	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 tăng 49% YoY; doanh thu quý 4 bùng nổ nhờ SALB & ROFR
VTP	13%	19%	PHTT	Lợi nhuận năm 2025 ổn định nhờ động lực tăng trưởng bền vững từ thương mại điện tử
Bất động sản				
DXG	-28%	108%	MUA	Lợi nhuận sụt giảm mạnh trong quý 4/2025 do số lượng bàn giao tại GSW thấp hơn và chi phí SG&A tăng vọt

DXS	139%	67%	MUA	Doanh thu quý 4 tăng mạnh nhưng lợi nhuận yếu do biên lợi nhuận thu hẹp
HDC	815%	-51%	KQ	Quý 4 tiếp tục ghi nhận lợi nhuận từ việc thoái vốn tại dự án Đại Dương, vượt nhẹ dự báo
NVL	N.M.	-79%	MUA	Lợi nhuận quý 4 đến từ khoản hoàn nhập dự phòng tại Lakeview City, bù đắp cho tiến độ bàn giao BĐS chậm hơn kỳ vọng
KDH	20%	68%	MUA	Lượng bàn giao tại dự án Gladia tăng mạnh QoQ trong quý 4; lợi nhuận cả năm phù hợp với dự báo
NLG	34%	-17%	MUA	Lợi nhuận năm 2025 phù hợp kỳ vọng; tiềm năng tăng dự báo doanh số bán BĐS năm 2026 từ kết quả bán hàng vượt kỳ vọng ở quý 4/2025
VHM	36%	1%	KQ	Lợi nhuận và doanh số bán BĐS năm 2025 vượt kỳ vọng nhờ giao dịch bán lô lớn tại dự án Ocean Park 2&3 trong quý 4
VIC	13%	2%	BÁN	Lợi nhuận mảng BĐS cao, dẫn dắt lợi nhuận cả năm cao hơn nhẹ so với dự báo
VRE	57%	-16%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTST năm 2025 tăng 57% YoY nhờ chuyển nhượng dự án trong quý 4, mảng cho thuê bán lẻ duy trì tăng trưởng ổn định cả năm; phù hợp với dự báo
Khu công nghiệp				
GVR	41%	9%	KQ	Lợi nhuận quý 4 giảm QoQ, trong khi lợi nhuận cả năm 2025 tăng trưởng mạnh YoY, phù hợp với kỳ vọng
IDC	-3%	-1%	MUA	KQKD năm tài chính 2025 vượt dự báo của chúng tôi nhờ doanh thu và biên lợi nhuận gộp mảng KCN cao hơn kỳ vọng trong quý 4
KBC	402%	26%	MUA	Bàn giao đất KCN và ghi nhận khoản lãi một lần từ thương vụ mua lại giúp thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 4/2025
PHR	12%	58%	KQ	Lợi nhuận quý 4/2025 giảm do thu nhập bồi thường thấp hơn, trong khi lợi nhuận cả năm 2025 vẫn duy trì đà tăng
SIP	16%	4%	MUA	Lợi nhuận năm 2025 tăng YoY, nhờ mảng tiện ích KCN và hoạt động bàn giao tại dự án KĐT Phước Đông
SZC	14%	11%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTST năm 2025 vượt nhẹ dự báo; dự báo năm 2026 dự kiến không có thay đổi đáng kể
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)	20%	26%	MUA	Kết quả lợi nhuận cốt lõi phù hợp với kỳ vọng, nhưng lợi nhuận báo cáo lại thấp hơn dự kiến do khoản trích lập nợ xấu bất ngờ trong quý 4
BMP	24%	15%	MUA	Lợi nhuận quý 4 thấp hơn kỳ vọng do doanh thu, biên lợi nhuận thấp hơn dự kiến
DGC	1%	23%	MUA	Biên lợi nhuận giảm trong quý 4 ảnh hưởng lợi nhuận; kết quả năm 2025 thấp hơn kỳ vọng
DHC	62%	3%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTST quý 4 tăng 2.7x YoY nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện; GL3 là động lực tăng trưởng tiếp theo
HPG	29%	41%	MUA	Lợi nhuận năm 2025 thấp hơn một chút so với dự báo; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ cho dự báo năm 2026
HSG (1)	8%	-5%	PHTT	Lợi nhuận Q1 năm tài chính 2026 tiếp tục yếu, giảm cả QoQ và YoY; rủi ro điều chỉnh giảm dự báo

NKG	-66%	202%	PHTT		Q4 ghi nhận lỗ ròng do doanh thu suy yếu và biên lợi nhuận bị thu hẹp; rủi ro điều chỉnh giảm dự phóng
PTB	36%	-19%	KQ		Kết quả sơ bộ năm 2025 vượt dự báo; việc hoãn tăng thuế gỗ của Mỹ mở ra tiềm năng tăng dự báo cho năm 2026
STK	299%	231%	KQ		KQKD năm 2025 thấp hơn kỳ vọng; áp lực tỷ giá giảm trong quý 4 nhưng hoạt động cốt lõi chưa phục hồi
Điện & Nước					
BWE (2)	30%	9%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi vượt 15% so với dự báo, tiềm năng tăng nhẹ dự báo LNST năm 2026
GEX	-9%		MUA		Thuế từ khoản lãi thoái vốn và lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán tạo áp lực lên lợi nhuận, dù mảng kinh doanh cốt lõi tiếp tục tăng trưởng
HDG	103%		KQ		Lượng bàn giao tại Charm Villas ghi nhận ở mức tương đối hạn chế, rủi ro giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
NT2	1106%	11%	MUA		LNST đạt mức cao kỷ lục trong quý 4/2025, tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1	125%	12%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo trong quý 4 tăng mạnh 9 lần YoY nhờ mảng xây lắp điện, bán BĐS và thoái vốn
POW	111%	-22%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 tăng gấp 11 lần YoY, LNST báo cáo năm 2025 hoàn thành 109% dự báo 2025, tiềm năng tăng dự báo
PPC	-60%	99%	KQ		KQKD quý 4/2025 tích cực dù sản lượng giảm, nhờ khoản doanh thu chênh lệch tỷ giá
QTP	62%	-35%	MUA		Lợi nhuận quý 4 tăng mạnh nhờ khoản doanh thu chênh lệch tỷ giá; Tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo cổ tức tiền mặt và LNST năm 2026
REE	27%	17%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 giảm nhẹ YoY, rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
TDM (2)	6%	8%	PHTT	KQ	LNST năm 2025 vượt dự báo 16%, tiềm năng tăng trưởng so với dự báo năm 2026.
TV2	24%	186%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 tăng mạnh 77% YoY, LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo năm 2025 hoàn thành 139% dự báo năm 2025 của chúng tôi
DPG	79%	65%	MUA		Ghi nhận doanh số BĐS chậm hơn so với kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh giảm
VGC	27%		MUA		Lượng bàn giao đất KCN duy trì ổn định, LNST cốt lõi phù hợp với dự báo
Dầu khí					
BSR	721%		BÁN		Lợi nhuận quý 4/2025 phục hồi mạnh nhờ mức tăng của biên lợi nhuận và sự phục hồi của sản lượng, kết quả vượt kỳ vọng
DCM (2)	44%		MUA		LNST cốt lõi tăng mạnh nhờ giá urê cao hơn và giá khí đầu vào giảm
DPM	81%		KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng gấp 6.3 lần YoY nhờ giá bán trung bình tăng và giá khí giảm
GAS	10%		MUA		Kết quả LNST cốt lõi quý 4 phù hợp dự báo, khoản trích lập dự phóng góp phần làm giảm LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo

OIL (2)	25%		KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng gấp 3 lần nhờ đà tăng trưởng của sản lượng, và sự ổn định của giá bán lẻ; kết quả nhìn chung vượt kỳ vọng
PLX (2)	-4%		MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng 41% YoY nhờ mức tăng trưởng mạnh của sản lượng, dù giá dầu giảm; kết quả nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PLC	-69%		MUA		Lợi nhuận quý 4 giảm do trích lập dự phòng một lần và biên lợi nhuận mỏng hóa chất giảm, một phần bù đắp bởi mức lợi nhuận gấp đôi của mảng nhựa đường
PVD (2)	16%	48%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng 56% YoY nhờ mảng khoan và dịch vụ giếng khoan tích cực; cao hơn một chút so với dự báo
PVS (2)	70%	2%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng gấp đôi nhờ biên lợi nhuận mảng M&C cải thiện mạnh; tiềm năng điều chỉnh tăng
PVT (2)	-2%	14%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi năm 2025 tăng nhẹ 2% nhờ mở rộng đội tàu dù giá cước tàu giảm mạnh, phù hợp với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của tổng EPS quý 2 năm tài chính 2025-quý 1/năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.652,8	-115,1
VN 30	1.780,7	-123,5
VN Mid	2.058,1	-142,7
VNSmall	1.378,6	-89,2

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	235,4	-18,3
HNX30	512,4	-46,1
VNX Allshare	2.654,6	-185,0

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	119,4	-7,5

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.781,5	6,8%
Khối ngoại mua	3.862,7	9,4%
Khối ngoại bán	4.234,9	10,3%
Tổng giao dịch	41.120,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	23,4	0,8%
Khối ngoại mua	244,1	7,9%
Khối ngoại bán	138,3	4,5%
Tổng giao dịch	3.082,8	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	95,7	4,9%
Khối ngoại mua	23,6	1,2%
Khối ngoại bán	32,3	1,6%
Tổng giao dịch	1.969,3	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DCL	600	1,1%
IMP	-200	-0,4%
TDP	-150	-0,5%
KOS	-200	-0,6%
CRC	-90	-1,0%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TVD	100	0,9%
HKT	0	0,0%
VTZ	-100	-0,5%
HUT	-100	-0,7%
CST	-100	-0,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
OIL	343	1,5%
PAT	1.124	1,3%
TTD	0	0,0%
POS	-193	-1,1%
IDP	-4.921	-1,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TCB	-2.200	-7,0%
CTI	-1.700	-7,0%
BCM	-4.100	-7,0%
APH	-410	-7,0%
TV2	-2.600	-7,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVS	-5.100	-10,0%
PVI	-8.300	-10,0%
PSD	-1.700	-10,0%
PLC	-3.000	-10,0%
MBS	-2.700	-10,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VGI	-13.882	-14,7%
MVN	-8.980	-14,5%
VEF	-14.123	-13,5%
G36	-1.593	-13,5%
AAS	-1.280	-13,5%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HPG	3.122
STB	2.376
MBB	1.975
SHB	1.804
VCB	1.692

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
PVS	971
SHS	376
IDC	286
MBS	279
PVC	169

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
OIL	484
MSR	226
DDV	222
ACV	191
GTD	172

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SAM	4.156.406	529.300
MHC	489.813	63.180
SJD	375.965	52.933
FIT	3.182.901	451.938
TNH	529.720	82.359
DC4	1.235.397	228.817
NHH	278.806	53.777
ABS	528.679	105.325
BKG	450.033	91.307
TVS	611.602	126.394

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TVC	366.300	51.362
NSH	844.026	134.956
PVI	390.046	72.415
CST	511.636	108.604
NVB	812.787	173.497
MBG	1.073.399	239.765
NTP	999.979	230.807
BNA	322.179	75.234
IDJ	2.047.419	496.130
BCC	427.952	106.360

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
ABB	7.229.631	1.060.563
ABW	1.167.519	213.892
G36	2.328.053	485.029
TTN	550.141	114.878
CLX	365.998	78.612
GDA	337.960	75.714
C4G	2.051.657	481.032
PXL	914.149	233.107
PFL	799.692	204.879
MVC	195.104	51.946

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.721,8		13,5	2,2	18,8
TCX	4.576,6	0,0	19,1	2,7	16,2
SSI	2.784,4	65,8	14,7	2,3	14,0
VCK	2.632,7	0,0	16,5	2,4	21,2
VPX	2.077,8	0,0	12,6	1,6	13,9
VIX	1.537,6	89,7	4,7	1,9	28,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	629,9		12,7	1,6	13,3
BVH	2.019,1	21,9	17,8	2,2	12,6
PVI	667,5	42,4	15,9	2,1	13,8
BIC	168,8	3,6	8,1	1,4	17,6
VNR	156,1	22,4	9,3	1,0	10,9
PTI	138,0	62,5	12,4	1,4	11,6

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.722,4		17,8	3,6	23,4
ACV	6.252,2	45,7	15,1	2,4	16,7
MVN	2.428,3	0,0	32,6	4,5	14,7
GEE	2.123,6	49,8	17,1	7,0	45,0
VEA	1.626,8	47,4	5,8	1,6	27,6
GMD	1.181,2	8,9	18,2	2,4	13,2

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.677,0		17,4	4,3	26,4
MCH	6.528,1	33,5	24,0	9,5	46,4
VNM	4.632,1	51,6	12,9	4,0	29,9
MSN	3.761,8	24,4	25,2	2,8	12,5
SAB	2.076,9	40,9	12,3	2,6	19,9
PNJ	1.386,0	0,2	12,8	2,7	23,1

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.466,9		30,4	2,2	8,5
BSR	6.895,7	48,8	34,9	3,0	8,9
PLX	2.796,7	2,8	27,2	2,8	10,3
OIL	909,1	0,7	56,0	2,3	4,1
PVS	895,5	34,0	12,9	1,6	12,7
PVD	837,6	42,8	21,2	1,3	6,4

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.858,0		16,5	2,4	15,6
GAS	9.600,6	47,2	22,1	3,8	18,0
POW	1.585,8	45,4	16,3	1,2	7,1
REE	1.192,3	0,0	12,4	1,5	12,7
PGV	1.041,4	50,0	7,4	1,6	23,2
DNH	870,1	0,0	24,3	4,0	17,2

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	12.664,0		24,3	3,3	26,4
VIC	42.801,5	40,3	83,7	7,6	9,4
VHM	13.851,2	38,8	8,8	1,5	18,7
KSF	2.395,9	50,0	4,0	3,6	73,2
BCM	2.151,8	32,0	16,2	2,5	16,5
VRE	2.119,4	30,8	8,6	1,2	14,3

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	10.901,0		9,2	1,6	19,0
VCB	18.264,3	7,9	13,6	2,1	16,6
BID	10.861,2	12,4	9,5	1,7	19,5
CTG	9.836,8	3,0	7,5	1,5	21,2
TCB	7.906,9	0,0	8,2	1,2	16,0
MBB	7.635,9	0,0	7,5	1,5	21,6

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.249,9		41,6	5,6	-60,5
VPL	4.884,5	48,9	113,1	3,5	3,3
MWG	4.313,3	1,2	16,1	3,5	23,3
VJC	3.453,0	17,8	41,1	3,7	10,1
HVN	2.688,5	20,8	7,7	11,7	-365,5
FRT	910,2	16,3	30,0	5,7	26,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.677,0		17,4	4,3	26,4
HPG	6.528,1	27,3	24,0	9,5	46,4
GVR	4.632,1	12,1	12,9	4,0	29,9
MSR	3.761,8	99,9	25,2	2,8	12,5
KSV	2.076,9	0,0	12,3	2,6	19,9
DGC	1.386,0	34,4	12,8	2,7	23,1

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.466,9		30,4	2,2	8,5
DHG	6.895,7	46,2	34,9	3,0	8,9
IMP	2.796,7	24,8	27,2	2,8	10,3
DHT	909,1	9,0	56,0	2,3	4,1
DVN	895,5	0,0	12,9	1,6	12,7
DBD	837,6	84,5	21,2	1,3	6,4

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.858,0		16,5	2,4	15,6
FPT	9.600,6	8,0	22,1	3,8	18,0
CMG	1.585,8	13,9	16,3	1,2	7,1
SAM	1.192,3	48,5	12,4	1,5	12,7
SGT	1.041,4	-5,5	7,4	1,6	23,2
ELC	870,1	45,9	24,3	4,0	17,2

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

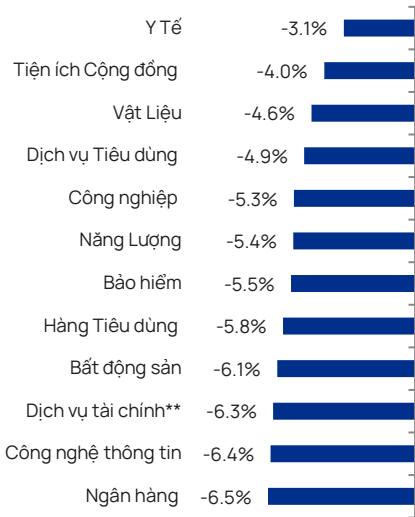
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

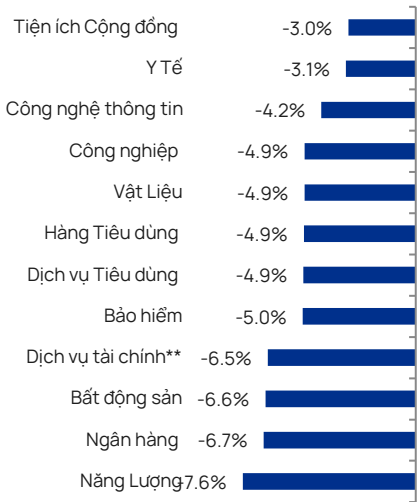


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



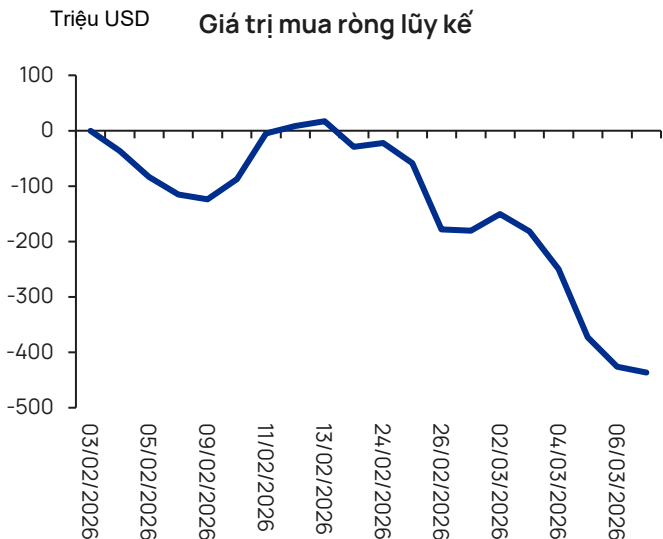
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



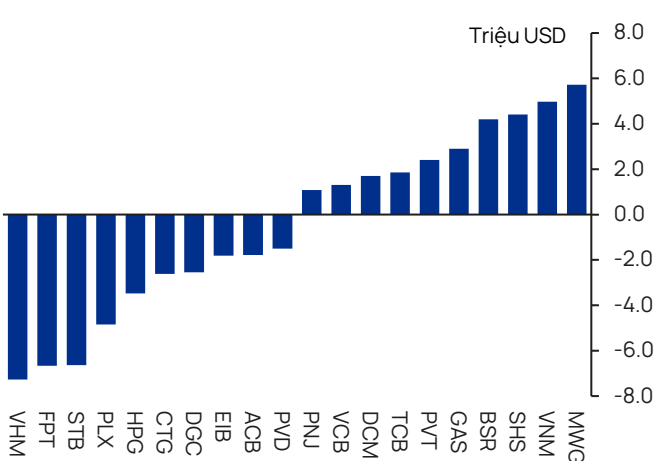
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



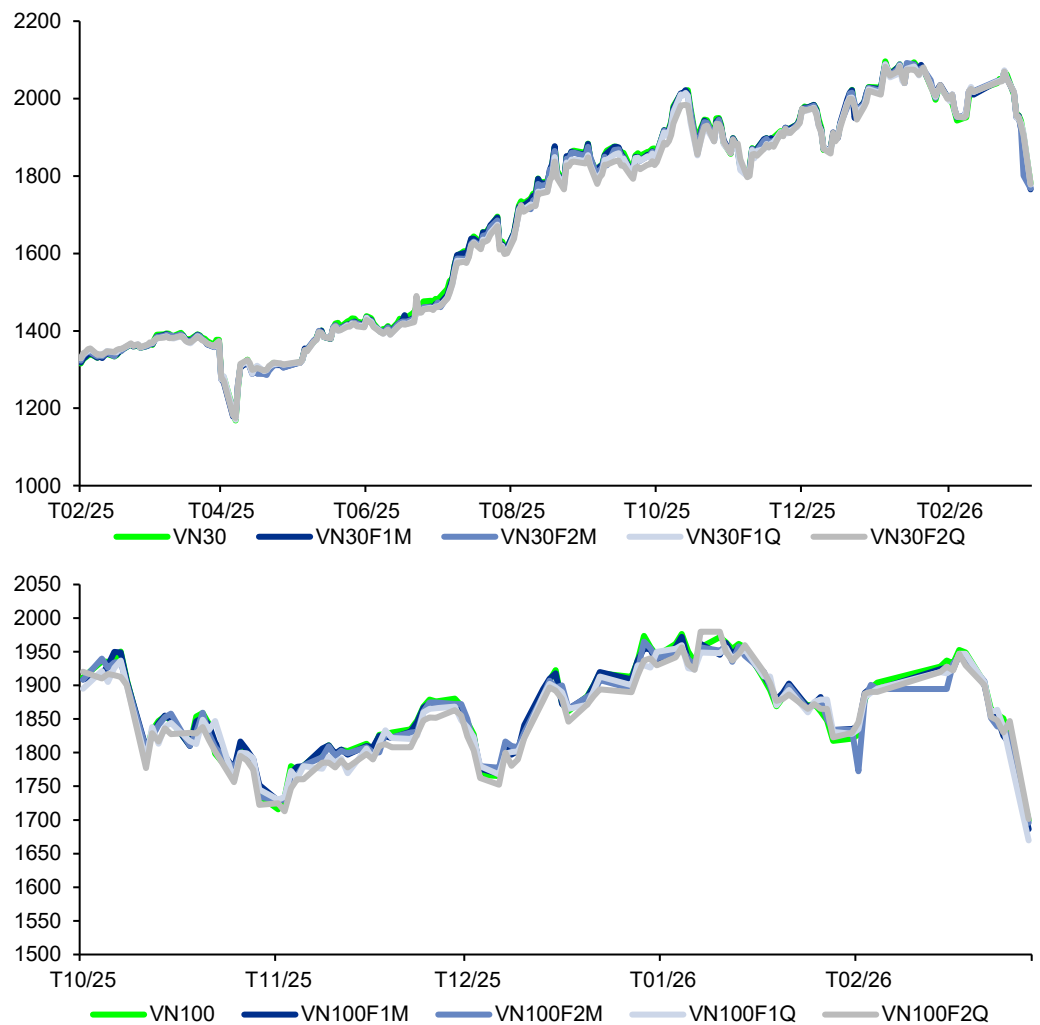
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.766,0	-132,9	-7,0%	-14,7
VN30F2M	1.768,0	-33,0	-1,8%	-12,7
VN30F1Q	1.778,0	-133,0	-7,0%	-2,7
VN30F2Q	1.779,6	-125,4	-6,6%	-1,1
VN100F1M	1.686,4	-126,7	-7,0%	-13,2
VN100F2M	1.695,9	-121,7	-6,7%	-3,7
VN100F1Q	1.669,8	-125,3	-7,0%	-29,8
VN100F2Q	1.701,6	-145,2	-7,9%	2,0

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	41.363	28,9%	294,29	-17,0%
VN30F2M	1.708	8,4%	1,30	26,9%
VN30F1Q	422	8,2%	0,27	352,5%
VN30F2Q	257	9,8%	0,24	717,2%
VN100F1M	73	28,1%	0,13	172,3%
VN100F2M	19	26,7%	0,03	108,3%
VN100F1Q	19	72,7%	0,03	92,3%
VN100F2Q	22	120,0%	0,03	92,3%

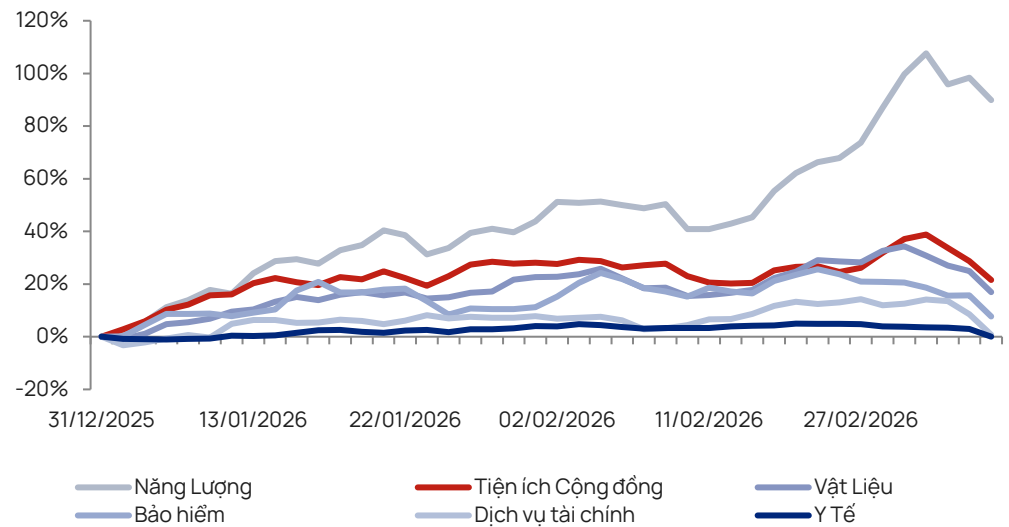


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

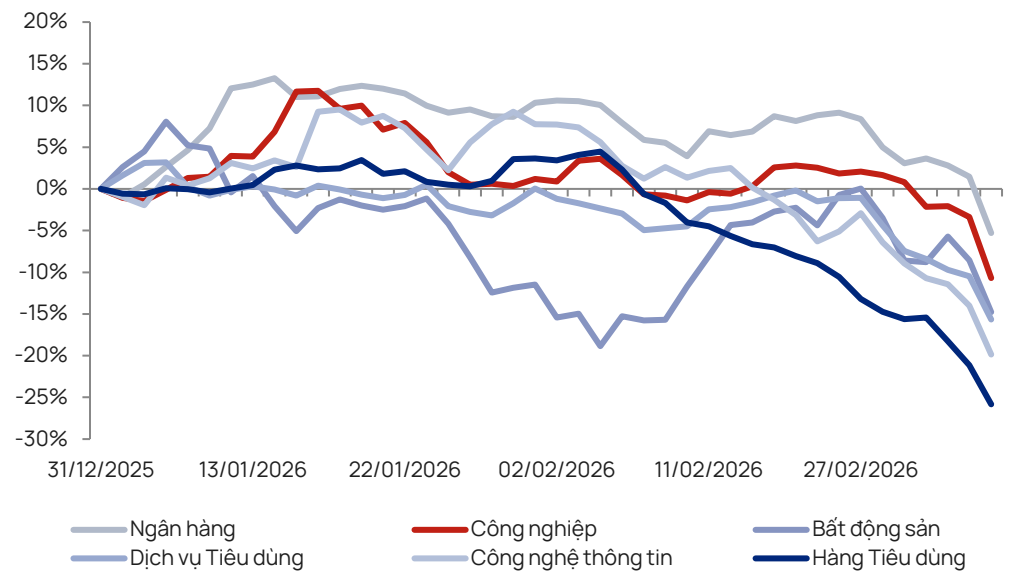
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



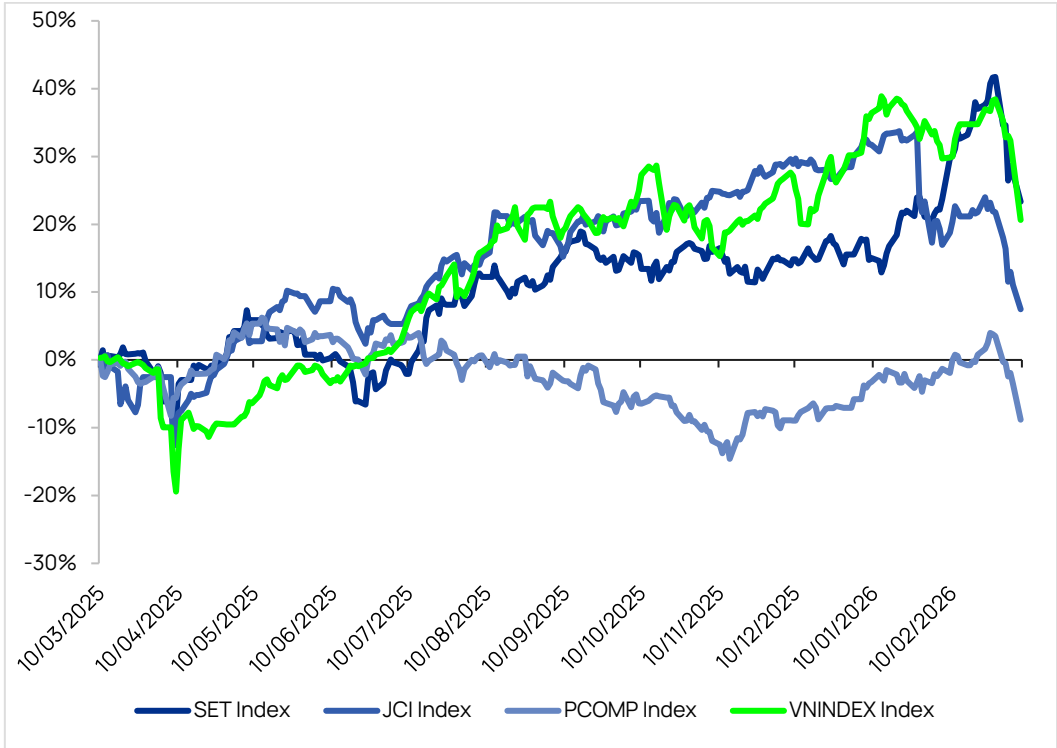
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



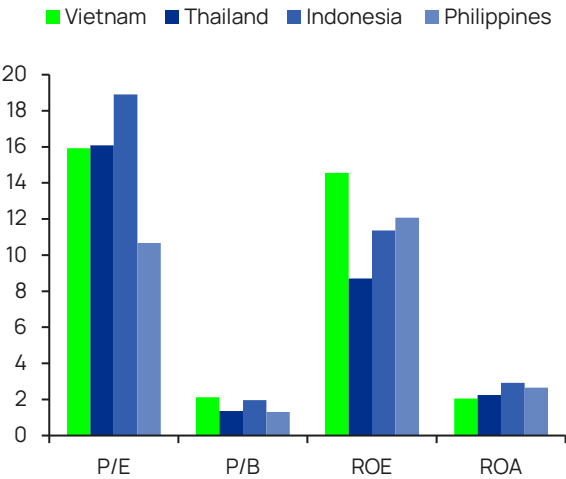
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,1	18,9	10,7	15,9
P/B	1,4	2,0	1,3	2,1
ROE (%)	8,7	11,4	12,1	14,6
ROA (%)	2,3	2,9	2,6	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	561,8	801,1	156,3	322,8
GTGD trung bình, tr USD	1.277,5	1.097,8	82,0	1.022,0
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	1.459,7	-436,4	327,1	-743,1
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(402,6)	168,6	(29,3)	(256,0)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,33%	6,12%	5,76%	3,83%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.